

Số **2199**/QĐ-SNN

Hà Nội, ngày **23** tháng 11 năm 2022

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán chi ngân sách năm 2022 sau điều chỉnh, bổ sung của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội

### GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và PTNT thành phố Hà Nội; Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và PTNT Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 5199/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4518/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2022 của thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán chi ngân sách năm 2022 sau điều chỉnh, bổ sung của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội (theo các biểu đính kèm).

**Điều 2.** Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội có trách nhiệm công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 sau điều chỉnh, bổ sung của đơn vị theo đúng quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 3 Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Sở; Trưởng các phòng: Kế hoạch - Tài chính, Quản lý xây dựng công trình, Kỹ thuật và chính sách nông nghiệp, Tổ chức cán bộ; Thủ





**PHỤ BIỂU DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 SAU ĐIỀU CHỈNH**

Của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

(Kèm theo Quyết định số **2199** QĐ-SNN ngày **23** tháng 11 năm 2022  
của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	DT năm 2022 sau điều chỉnh
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>2.188.437.000.000</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>203.761.000.000</b>
<b>a</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>165.442.000.000</b>
<b>a1</b>	<b>Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (78 biên chế)</b>	<b>12.524.000.000</b>
	- Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	7.120.000.000
	- Chi khác ngoài lương ((1)=(2)+(3))	5.404.000.000
	+ Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ (2)	4.844.000.000
	+ Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung (3)	560.000.000
<b>a2</b>	<b>Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (27 biên chế)</b>	<b>4.386.000.000</b>
	- Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	2.807.000.000
	- Chi khác ngoài lương ((1)=(2)+(3))	1.579.000.000
	+ Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ (2)	1.579.000.000
	+ Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung (3)	
<b>a3</b>	<b>Chi cục Chăn nuôi và Thú y (318 biên chế)</b>	<b>45.036.000.000</b>
	- Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	26.625.000.000
	- Chi khác ngoài lương ((1)=(2)+(3))	18.411.000.000
	+ Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ (2)	18.299.000.000
	+ Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung (3)	112.000.000
<b>a4</b>	<b>Chi cục Thủy lợi và Phòng, chống thiên tai (290 biên chế)</b>	<b>37.273.000.000</b>
	- Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	20.450.000.000
	- Chi khác ngoài lương ((1)=(2)+(3))	16.823.000.000
	+ Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ (2)	16.711.000.000
	+ Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung (3)	112.000.000
<b>a5</b>	<b>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (152 biên chế)</b>	<b>22.271.000.000</b>
	- Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	13.315.000.000
	- Chi khác ngoài lương ((1)=(2)+(3))	8.956.000.000
	+ Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ (2)	8.844.000.000
	+ Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung (3)	112.000.000
<b>a6</b>	<b>Chi cục Thủy sản (34 biên chế)</b>	<b>4.911.000.000</b>
	- Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	2.810.000.000
	- Chi khác ngoài lương ((1)=(2)+(3))	2.101.000.000
	+ Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ (2)	1.989.000.000
	+ Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung (3)	112.000.000
<b>a7</b>	<b>Chi cục Thủy lợi (23 biên chế)</b>	
	- Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	
	- Chi khác ngoài lương ((1)=(2)+(3))	
	+ Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ (2)	
	+ Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung (3)	
<b>a8</b>	<b>Chi cục Phát triển nông thôn (40 biên chế)</b>	<b>6.198.000.000</b>
	- Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	3.746.000.000
	- Chi khác ngoài lương ((1)=(2)+(3))	2.452.000.000
	+ Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ (2)	2.340.000.000
	+ Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung (3)	112.000.000
<b>a9</b>	<b>Chi cục Kiểm lâm (192 biên chế)</b>	<b>28.250.000.000</b>
	- Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	16.990.000.000
	- Chi khác ngoài lương ((1)=(2)+(3))	11.260.000.000
	+ Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ (2)	11.148.000.000
	+ Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung (3)	112.000.000
<b>a10</b>	<b>Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (33 biên chế)</b>	<b>4.593.000.000</b>
	- Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	2.551.000.000
	- Chi khác ngoài lương ((1)=(2)+(3))	2.042.000.000
	+ Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ (2)	1.930.000.000
	+ Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung (3)	112.000.000
<b>b</b>	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>38.319.000.000</b>
<b>b1</b>	<b>Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>	<b>8.168.000.000</b>
*	Chi nghiệp vụ	7.575.000.000

**PHỤ BIỂU DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 SAU ĐIỀU CHỈNH**

**Của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

*(Kèm theo Quyết định số 219/QĐ-SNN ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội)*

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	DT năm 2022 sau điều chỉnh
	Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Thành phố (chi bồi dưỡng trực; dịch vụ công cộng; văn phòng phẩm; thông tin liên lạc; chi sửa chữa TSCD; vật tư, chi khác)	2.000.000.000
	Kinh phí chi tiền lương, tiền công lao động và các khoản đóng góp theo lương (BHXH, BHYT...) cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo Đề án vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt (2)	925.000.000
	Kinh phí duy trì hệ thống thông tin ngành nông nghiệp	1.000.000.000
	Kinh phí Tổ chức lễ tang cho cán bộ điện Ban thường vụ Thành ủy quản lý qua các thời kỳ khi từ trần	25.000.000
	Kinh phí tập huấn bồi dưỡng kiến thức an toàn lao động, vệ sinh lao động trong sản xuất nông nghiệp	410.000.000
	Kinh phí thi tuyển viên chức cho các đơn vị trong ngành nông nghiệp năm 2022	2.990.000.000
	Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật theo Kế hoạch của UBND Thành phố	225.000.000
*	- Chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa TSC	593.000.000
	+ Chi mua sắm, sửa chữa TSC	593.000.000
	+ Chi sửa chữa, bảo dưỡng CT (trên 500 triệu)	
*	- Chi nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình chuyên tiếp	
<b>b2</b>	<b>Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>	<b>6.510.000.000</b>
*	Chi nghiệp vụ	6.375.000.000
	Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành, quy định về chuyên môn – kỹ thuật, quy tắc quản lý trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh phân bón đối với tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022	1.470.000.000
	May trang phục thanh tra	95.000.000
	Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành, quy định về chuyên môn – kỹ thuật, quy tắc quản lý trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật đối với tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022	256.000.000
	Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành, quy định về chuyên môn – kỹ thuật, quy tắc quản lý trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản đối với tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022	1.468.000.000
	Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành về chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm sản và thủy sản trong suốt quá trình sản xuất, thu gom, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Sở nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022	1.839.000.000
	Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành, quy định về chuyên môn – kỹ thuật, quy tắc quản lý trong lĩnh vực đề điều và thủy lợi đối với tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội năm 2022	212.000.000
	Thanh tra đối với các dự án do Sở Nông nghiệp và PTNT quản lý trên địa bàn Thành phố.	750.000.000
	Kinh phí chi tiền lương, tiền công lao động và các khoản đóng góp theo lương (BHXH, BHYT...) cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo Đề án vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt (2)	285.000.000
*	- Chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa TSC	135.000.000
	+ Chi mua sắm, sửa chữa TSC	135.000.000
	+ Chi sửa chữa, bảo dưỡng CT (trên 500 triệu)	
*	- Chi nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình chuyên tiếp	
<b>b3</b>	<b>Chi cục Chăn nuôi và Thú y</b>	<b>2.536.000.000</b>
*	Chi nghiệp vụ	1.623.000.000
	Kinh phí chi tiền lương, tiền công lao động và các khoản đóng góp theo lương (BHXH, BHYT...) cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo Đề án vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt (2)	1.623.000.000
*	- Chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa TSC	913.000.000
	+ Chi mua sắm, sửa chữa TSC	913.000.000
	+ Chi sửa chữa, bảo dưỡng CT (trên 500 triệu)	
*	- Chi nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình chuyên tiếp	
<b>b4</b>	<b>Chi cục Thủy lợi và Phòng, chống thiên tai</b>	<b>10.194.000.000</b>
*	Chi nghiệp vụ	4.499.000.000
	Kinh phí chi tiền lương, tiền công lao động và các khoản đóng góp theo lương (BHXH, BHYT...) cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo Đề án vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt (2)	4.499.000.000
*	- Chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa TSC	3.245.000.000
	+ Chi mua sắm, sửa chữa TSC	3.245.000.000
	+ Chi sửa chữa, bảo dưỡng CT (trên 500 triệu)	

**PHỤ BIỂU DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 SAU ĐIỀU CHỈNH**

**Cửa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

(Kèm theo Quyết định số **2199**/QĐ-SNN ngày **23** tháng 11 năm 2022  
của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	DT năm 2022 sau điều chỉnh
*	- Chi nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình chuyên tiếp	2.450.000.000
<b>b5</b>	<b>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</b>	<b>1.149.000.000</b>
*	<i>Chi nghiệp vụ</i>	330.000.000
	Kinh phí chi tiền lương, tiền công lao động và các khoản đóng góp theo lương (BHXH, BHYT...) cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo Đề án vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt (2)	330.000.000
*	- Chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa TSC	809.000.000
	+ <i>Chi mua sắm, sửa chữa TSC</i>	809.000.000
	+ <i>Chi sửa chữa, bảo dưỡng CT (trên 500 triệu)</i>	
*	- Chi nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình chuyên tiếp	10.000.000
<b>b6</b>	<b>Chi cục Thủy sản</b>	<b>1.363.000.000</b>
*	<i>Chi nghiệp vụ</i>	453.000.000
	Kinh phí chi tiền lương, tiền công lao động và các khoản đóng góp theo lương (BHXH, BHYT...) cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo Đề án vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt (2)	453.000.000
*	- Chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa TSC	20.000.000
	+ <i>Chi mua sắm, sửa chữa TSC</i>	20.000.000
	+ <i>Chi sửa chữa, bảo dưỡng CT (trên 500 triệu)</i>	
*	- Chi nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình chuyên tiếp	890.000.000
<b>b7</b>	<b>Chi cục Thủy lợi</b>	
*	<i>Chi nghiệp vụ</i>	
	Kinh phí chi tiền lương, tiền công lao động và các khoản đóng góp theo lương (BHXH, BHYT...) cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo Đề án vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt (2)	
*	- Chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa TSC	
	+ <i>Chi mua sắm, sửa chữa TSC</i>	
	+ <i>Chi sửa chữa, bảo dưỡng CT (trên 500 triệu)</i>	
*	- Chi nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình chuyên tiếp	
<b>b8</b>	<b>Chi cục Phát triển nông thôn</b>	<b>1.111.000.000</b>
*	<i>Chi nghiệp vụ</i>	503.000.000
	Kinh phí chi tiền lương, tiền công lao động và các khoản đóng góp theo lương (BHXH, BHYT...) cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo Đề án vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt (2)	503.000.000
*	- Chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa TSC	608.000.000
	+ <i>Chi mua sắm, sửa chữa TSC</i>	608.000.000
	+ <i>Chi sửa chữa, bảo dưỡng CT (trên 500 triệu)</i>	
*	- Chi nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình chuyên tiếp	
<b>b9</b>	<b>Chi cục Kiểm lâm</b>	<b>6.841.000.000</b>
*	<i>Chi nghiệp vụ</i>	4.652.000.000
	Kinh phí chi tiền lương, tiền công lao động và các khoản đóng góp theo lương (BHXH, BHYT...) cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo Đề án vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt (2)	4.652.000.000
*	- Chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa TSC	2.189.000.000
	+ <i>Chi mua sắm, sửa chữa TSC</i>	2.189.000.000
	+ <i>Chi sửa chữa, bảo dưỡng CT (trên 500 triệu)</i>	
*	- Chi nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình chuyên tiếp	
<b>b10</b>	<b>Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản</b>	<b>447.000.000</b>
*	<i>Chi nghiệp vụ</i>	325.000.000
	Kinh phí chi tiền lương, tiền công lao động và các khoản đóng góp theo lương (BHXH, BHYT...) cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo Đề án vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt (2)	325.000.000
*	- Chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa TSC	122.000.000
	+ <i>Chi mua sắm, sửa chữa TSC</i>	122.000.000
	+ <i>Chi sửa chữa, bảo dưỡng CT (trên 500 triệu)</i>	
*	- Chi nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình chuyên tiếp	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>	<b>1.960.332.000.000</b>
<b>a</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>	<b>64.467.000.000</b>
<b>a1</b>	<b>Trung tâm Phát triển nông nghiệp</b>	<b>15.006.000.000</b>

**PHỤ BIỂU DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 SAU ĐIỀU CHỈNH**

**Của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

*(Kèm theo Quyết định số 2199/QĐ-SNN ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội)*

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	DT năm 2022 sau điều chỉnh
	+ Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ	14.894.000.000
	* Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	7.663.000.000
	* Chi khác ngoài lương	7.231.000.000
	+ Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung	112.000.000
<b>a2</b>	<b>Ban quản lý rừng Phòng hộ - Đặc dụng</b>	7.857.000.000
	+ Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ	7.745.000.000
	* Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	3.795.000.000
	* Chi khác ngoài lương	3.950.000.000
	+ Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung	112.000.000
<b>a3</b>	<b>Trung tâm Khuyến nông</b>	26.793.000.000
	+ Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ	26.681.000.000
	* Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	14.733.000.000
	* Chi khác ngoài lương	11.948.000.000
	+ Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung	112.000.000
<b>a4</b>	<b>Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội</b>	6.155.000.000
	+ Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ	6.043.000.000
	* Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	3.060.000.000
	* Chi khác ngoài lương	2.983.000.000
	+ Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung	112.000.000
<b>a5</b>	<b>Ban Quản lý và duy tu các công trình nông nghiệp, nông thôn Hà Nội</b>	
	+ Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ	
	* Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	
	* Chi khác ngoài lương	
	+ Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung	
<b>a6</b>	<b>Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã</b>	2.660.000.000
	+ Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ	2.660.000.000
	* Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	1.256.000.000
	* Chi khác ngoài lương	1.404.000.000
	+ Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung	
<b>a7</b>	<b>Trung tâm Phân tích và chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp</b>	5.996.000.000
	+ Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ	5.996.000.000
	* Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	3.167.000.000
	* Chi khác ngoài lương	2.829.000.000
	+ Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung	
<b>b</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	1.895.865.000.000
<b>b1</b>	<b>Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>	30.500.000.000
	- Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (*)	
	+ Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ (2)	
	* Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	
	* Chi khác ngoài lương	
	+ Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung (3)	
	- Chi nghiệp vụ	30.500.000.000
	Hỗ trợ chi phí thụ tinh nhân tạo giống lợn cao sản trên địa bàn Thành phố (thực hiện Nghị quyết 10/2018/NQ-HĐND của HĐND Thành phố).	18.000.000.000
	Cung ứng tinh bò giống Senepol sản xuất trong nước để lai tạo đàn bò cái nền trên địa bàn thành phố (thực hiện sau khi có Kế hoạch của UBND Thành phố phê duyệt)	
	Kinh phí thực hiện Kế hoạch phát triển bò cái nền trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025	1.500.000.000
	Hỗ trợ cung ứng Gà Mía giống 01 ngày tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2022	11.000.000.000
	- Chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa TSC	
	+ Chi mua sắm, sửa chữa TSC	
	+ Chi sửa chữa, bảo dưỡng CT (trên 500 triệu)	
	- Chi nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình chuyển tiếp	
<b>b2</b>	<b>Chi cục Chăn nuôi và Thú y (403 biên chế)</b>	125.986.000.000
	- Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên (*)	
	+ Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ (2)	

**PHỤ BIỂU DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 SAU ĐIỀU CHỈNH**

**Cửa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNN ngày tháng 11 năm 2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội)*

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	DT năm 2022 sau điều chỉnh
	<i>Phụ cấp của nhân viên chăn nuôi thú y cấp xã (theo Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021)</i>	
	<i>* Chi khác ngoài lương</i>	
	+ Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung (3)	
	<b>- Chi nghiệp vụ</b>	<b>125.986.000.000</b>
	Kinh phí phòng chống dịch cúm gia cầm	35.855.000.000
	Kinh phí phòng chống dịch lở mồm long móng	24.460.000.000
	Kinh phí diệt ruồi tại các chợ, khu chăn nuôi, bãi rác	6.665.000.000
	Hỗ trợ kinh phí tiêm phòng đại đàn chó, mèo (Thực hiện sau khi Kế hoạch được UBND Thành phố phê duyệt)	4.765.000.000
	Kinh phí tiêm phòng các bệnh nguy hiểm trên gia súc (tai xanh, dịch tả, dịch tả lợn Châu phi)	26.150.000.000
	Kinh phí kiểm tra, đối chiếu cung ứng tinh lợn miễn phí, gà mía giống 01 ngày tuổi trên địa bàn Thành phố	257.000.000
	Kinh phí tăng cường quản lý nhà nước trong hoạt động sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, giống vật nuôi, thuốc thú y trên địa bàn Thành phố	950.000.000
	Kinh phí đảm bảo an toàn thực phẩm trong chăn nuôi, thú y	855.000.000
	Tăng cường quản lý chăn nuôi tại các trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn Thành phố	855.000.000
	Kinh phí mua vắc xin tiêm phòng bệnh Viêm da nổi cục trên trâu, bò trên địa bàn thành phố Hà Nội	4.815.000.000
	<i>Phụ cấp của nhân viên chăn nuôi thú y cấp xã (theo Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021)</i>	19.694.000.000
	Kinh phí hoạt động thanh tra chuyên ngành chăn nuôi thú y	665.000.000
	<b>- Chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa TSC</b>	
	<i>+ Chi mua sắm, sửa chữa TSC</i>	
	<i>+ Chi sửa chữa, bảo dưỡng CT (trên 500 triệu)</i>	
	<b>- Chi nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình chuyển tiếp</b>	
<b>b3</b>	<b>Chi cục Thủy lợi và Phòng, chống thiên tai</b>	<b>77.014.000.000</b>
	<b>- Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên (*)</b>	
	+ Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ (2)	
	<i>* Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)</i>	
	<i>* Chi khác ngoài lương</i>	
	+ Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung (3)	
	<b>- Chi nghiệp vụ</b>	<b>77.014.000.000</b>
	Chi phục vụ công tác phòng chống thiên tai	9.800.000.000
	Kinh phí tuyên truyền phòng ngừa vi phạm pháp luật về đê điều tại các xã ven đê	500.000.000
	Kinh phí cung cấp sản phẩm dịch vụ công duy tu, sửa chữa một số hạng mục đê điều trên địa bàn Thành phố	52.000.000.000
	Kinh phí phục vụ công tác duy tu, bảo dưỡng một số hạng mục đê điều trên địa bàn thành phố Hà Nội	270.000.000
	Hoạt động thanh tra kiểm tra chuyên ngành	800.000.000
	Kế hoạch Thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn thành phố Hà Nội	3.000.000.000
	Đề án “Triển khai thực hiện Chỉ thị số 42/CT-TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai” giai đoạn 2021-2025”	3.000.000.000
	Kinh phí phục vụ công tác chống úng, hạn	792.000.000
	Kinh phí thông tin, tuyên truyền về công tác chống úng, hạn về Luật Thủy lợi, các Nghị định và Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Thủy lợi	225.000.000
	Hoạt động của hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội	777.000.000
	Kiểm định an toàn đập hồ chứa nước: Vai Xô - huyện Ba Vì; Lụa - huyện Thạch Thất; Hoa Sơn, Cầu Bãi - huyện Sóc Sơn	2.529.000.000
	Xây dựng Quy trình vận hành hồ chứa nước Đồng Mô - Thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội	1.226.000.000
	Lập bản đồ ngập lụt cho hạ du hồ Miếu - huyện Chương Mỹ, hồ Hóc Cua - huyện Ba Vì	1.430.000.000
	Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước, phục vụ chỉ đạo điều hành cấp nước cho sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội	

**PHỤ BIỂU DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 SAU ĐIỀU CHỈNH**

**Của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNN ngày tháng 11 năm 2022  
của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội)*

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	DT năm 2022 sau điều chỉnh
	Xây dựng Quy trình vận hành hệ thống tưới Hồng Vân (tại các Huyện Thanh Trì, Thường Tín, thành phố Hà Nội)	665.000.000
	- Chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa TSC	
	+ Chi mua sắm, sửa chữa TSC	
	+ Chi sửa chữa, bảo dưỡng CT (trên 500 triệu)	
	- Chi nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình chuyển tiếp	
<b>b4</b>	<b>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (383 biên chế)</b>	<b>74.760.000.000</b>
	- Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên (*)	
	+ Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ (2)	
	* Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	
	* Chi khác ngoài lương	
	+ Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung (3)	
	- Chi nghiệp vụ	<b>74.760.000.000</b>
	Kinh phí thực hiện công tác quản lý an toàn thực phẩm trên cây ăn quả, chè	2.800.000.000
	Công nhận, quản lý cây đầu dòng và giống cây trồng	1.000.000.000
	Tăng cường công tác kiểm dịch thực vật	1.000.000.000
	Kế hoạch diệt chuột bảo vệ sản xuất nông nghiệp và sức khỏe cộng đồng thành phố Hà Nội	8.676.000.000
	Tăng cường quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm trong lĩnh vực trồng trọt trên địa bàn thành phố Hà Nội	3.395.000.000
	Duy trì, phát triển, mở rộng sản xuất và tiêu thụ rau an toàn thành phố Hà Nội	31.000.000.000
	Thuê kho chứa thuốc bảo vệ thực vật thu giữ	96.000.000
	Tiền lương, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo lương và chi hỗ trợ khác cho đội ngũ viên chức kỹ thuật nông nghiệp làm việc tại các xã, phường, thị trấn thuộc địa bàn Thành phố (theo Nghị quyết số 04/2012/NQ-HĐND ngày 05/4/2012)	24.793.000.000
	Hệ thống thâm canh lúa cải tiến (SRI) và phòng trừ dịch hại tổng hợp trên một số cây trồng	2.000.000.000
	- Chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa TSC	
	+ Chi mua sắm, sửa chữa TSC	
	+ Chi sửa chữa, bảo dưỡng CT (trên 500 triệu)	
	- Chi nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình chuyển tiếp	
<b>b5</b>	<b>Chi cục Thủy sản</b>	<b>15.215.000.000</b>
	- Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên (*)	
	+ Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ (2)	
	* Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	
	* Chi khác ngoài lương	
	+ Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung (3)	
	- Chi nghiệp vụ	<b>15.215.000.000</b>
	Kinh phí hoạt động của Chốt kiểm dịch động vật thủy sản liên ngành tại chợ cá Yên Sở, phường Yên Sở, quận Hoàng Mai	666.000.000
	Công tác quản lý dịch bệnh thủy sản	2.000.000.000
	Kinh phí thực hiện về vệ sinh an toàn thực phẩm ngành thủy sản	1.984.000.000
	Bảo vệ tái tạo nguồn lợi thủy sản trên địa bàn thành phố Hà Nội	836.000.000
	Hoạt động thanh tra kiểm tra chuyên ngành	177.000.000
	Quản lý thủy sinh vật ngoại lai xâm hại trong lĩnh vực thủy sản trên địa bàn thành phố Hà Nội	455.000.000
	Điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản trên địa bàn Hà Nội	1.061.000.000
	Quản lý sản xuất, kinh doanh và sử dụng thuốc kháng sinh, hóa chất và thức ăn trong nuôi trồng thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm	445.000.000
	Tuyên truyền, hướng dẫn về nuôi trồng thủy sản theo tiêu chuẩn Viet Gap đến cơ sở nuôi trồng thủy sản trên địa bàn thành phố Hà Nội	325.000.000
	Công tác quản lý chất lượng giống và nuôi thương phẩm thủy sản trên địa bàn thành phố Hà Nội	480.000.000
	Quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản trên địa bàn thành phố Hà Nội	1.537.000.000
	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng thành phố Hà Nội	195.000.000
	Điều tra, khảo sát hiện trạng và xác định vị trí nuôi trồng thủy sản lồng bè trên địa bàn thành phố Hà Nội	442.000.000
	Kế hoạch ứng dụng chuyển giao khoa học công nghệ phục vụ tái cơ cấu ngành thủy sản thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 - 2025	510.000.000
	Triển khai thực hiện chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam trên địa bàn Thành phố Hà Nội	878.000.000



**PHỤ BIỂU DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 SAU ĐIỀU CHỈNH**

**Cửa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNN ngày tháng 11 năm 2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội)*

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	DT năm 2022 sau điều chỉnh
	Kế hoạch hành động bảo tồn các cá thể rùa Hoàn Kiếm trên hồ Đổng Mô và hồ Xuân Khanh. TP Hà Nội	569.000.000
	Kế hoạch phát triển nuôi tôm càng xanh trên địa bàn Hà Nội	1.884.000.000
	Kế hoạch triển khai, thực hiện Đề án thí điểm bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản lưu vực sông Đà khu vực hồ Hòa Bình trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2020-2022	771.000.000
	<b>- Chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa TSC</b>	
	+ Chi mua sắm, sửa chữa TSC	
	+ Chi sửa chữa, bảo dưỡng CT (trên 500 triệu)	
	<b>- Chi nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình chuyển tiếp</b>	
<b>b6</b>	<b>Chi cục Thủy lợi</b>	
	<b>- Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên (*)</b>	
	+ Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ (2)	
	* Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	
	* Chi khác ngoài lương	
	+ Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung (3)	
	<b>- Chi nghiệp vụ</b>	
	<b>- Chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa TSC</b>	
	+ Chi mua sắm, sửa chữa TSC	
	+ Chi sửa chữa, bảo dưỡng CT (trên 500 triệu)	
	<b>- Chi nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình chuyển tiếp</b>	
<b>b7</b>	<b>Chi cục Phát triển nông thôn</b>	<b>18.113.000.000</b>
	<b>* - Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên (*)</b>	
	+ Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ (2)	
	* Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	
	* Chi khác ngoài lương	
	+ Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung (3)	
	<b>- Chi nghiệp vụ</b>	<b>18.113.000.000</b>
	Kinh phí hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành	150.000.000
	Kinh phí kiểm tra, giám sát đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn	260.000.000
	Tập huấn chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn và nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh cho làng nghề	925.000.000
	Kinh phí thực hiện Kế hoạch phát triển nông nghiệp theo chuỗi giai đoạn 2021-2025	1.400.000.000
	Xét công nhận danh hiệu “Làng nghề, Nghề truyền thống và Làng nghề truyền thống”	310.000.000
	Hỗ trợ xây dựng thương hiệu và xác lập quyền sở hữu nhãn hiệu tập thể làng nghề	5.000.000.000
	Hỗ trợ đánh giá tác động môi trường làng nghề	
	Tổ chức Hội thảo về phát triển nông thôn: hợp tác xã, trang trại, làng nghề, quy hoạch dân cư ... trên địa bàn thành phố Hà Nội	400.000.000
	Tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về chuyên ngành cho cán bộ quản lý hợp tác xã và chủ trang trại trên địa bàn thành phố Hà Nội	534.000.000
	Kế hoạch củng cố, kiện toàn hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025 (Thực hiện sau khi Kế hoạch được UBND Thành phố phê duyệt)	634.000.000
	Hỗ trợ dự án phát triển ngành nghề nông thôn (thực hiện sau khi Kế hoạch được UBND Thành phố phê duyệt)	2.500.000.000
	Tham gia Hội chợ giống vật tư thiết bị nông nghiệp, nông sản an toàn, ocop, sản phẩm làng nghề tại các tỉnh, thành phố trong nước	700.000.000
	Tổ chức Hội chợ giống vật tư thiết bị nông nghiệp, nông sản an toàn, ocop, sản phẩm làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội	4.100.000.000
	Đoàn cán bộ thành phố Hà Nội đi làm việc tại các tỉnh có người dân của thành phố Hà Nội đi xây dựng vùng kinh tế mới và Đón tiếp các đoàn cán bộ, cán bộ lão thành cách mạng, người dân có uy tín trong cộng đồng... của các tỉnh, Thành phố đến thăm, làm việc với thành phố Hà Nội	300.000.000
	Tuyên truyền về phát triển nông thôn (kinh tế tập thể, Kinh tế hợp tác, Kinh tế hộ và trang trại, làng nghề, ngành nghề nông thôn, di dân, tái định cư nông thôn ....) trên địa bàn thành phố Hà Nội	900.000.000
	<b>- Chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa TSC</b>	
	+ Chi mua sắm, sửa chữa TSC	
	+ Chi sửa chữa, bảo dưỡng CT (trên 500 triệu)	
	<b>- Chi nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình chuyển tiếp</b>	
<b>b8</b>	<b>Chi cục Kiểm lâm</b>	<b>30.984.000.000</b>
	<b>- Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên (*)</b>	

**PHỤ BIỂU DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 SAU ĐIỀU CHỈNH**

**Của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNN ngày tháng 11 năm 2022  
của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội)*

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	DT năm 2022 sau điều chỉnh
	+ Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ (2)	
	* Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	
	* Chi khác ngoài lương	
	+ Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung (3)	
	<b>- Chi nghiệp vụ</b>	<b>30.984.000.000</b>
	Thông tin cảnh báo cháy rừng	166.000.000
	Tuyên truyền chuyên sâu về công tác quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng và quản lý lâm sản	1.200.000.000
	Kinh phí huy động lực lượng ngăn chặn phá rừng và phòng cháy chữa cháy rừng năm 2022	708.000.000
	Nâng cao năng lực thực thi Hiệp định đối tác tự nguyện giữa nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu về thực thi Luật Lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản (VPA/FLEGT) trên địa bàn thành phố Hà Nội	1.500.000.000
	Kinh phí may trang phục kiểm lâm	1.483.000.000
	Thuê trụ sở làm việc của Hạt kiểm lâm số 3	145.000.000
	Kinh phí đảm bảo cho hoạt động của lực lượng xử phạt trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng	1.000.000.000
	Tuyên truyền công tác quản lý bảo vệ rừng đối với học sinh tại các xã có rừng trên địa bàn thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội	395.000.000
	Kinh phí bơm nước vào bể phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy rừng	357.000.000
	Đề án bảo tồn, phát triển các loài động, thực vật hoang dã có nguồn gen quý hiếm trên địa bàn thành phố Hà Nội	8.100.000.000
	Đề án Nâng cao năng lực quản lý Nhà nước về công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng cho lực lượng Kiểm lâm, cán bộ quản lý các cấp và các chủ rừng, cộng đồng dân cư trên địa bàn thành phố Hà Nội	4.297.000.000
	Đánh giá thực trạng các hoạt động tác động tiêu cực đến rừng để đề xuất các giải pháp quản lý rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội	1.473.000.000
	Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong trồng, chăm sóc, bảo vệ và phát triển cây xanh; xây dựng hồ sơ quản lý, phát triển cây xanh tập trung và trồng cây xanh phân tán trên địa bàn thành phố Hà Nội nhằm thực hiện có hiệu quả đề án Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025 của Thủ tướng Chính phủ	1.204.000.000
	Xây dựng các giải pháp thực hiện tăng cường hiệu quả công tác bảo vệ, chăm sóc phục hồi và quản lý rừng phòng hộ trong khu vực thành phố Hà Nội	1.422.000.000
	Tăng cường nhận biết nhanh tên gỗ, cho các loại gỗ lưu hành phổ biến trên địa bàn thành phố Hà Nội, phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, quản lý đảm bảo nguồn gốc gỗ hợp pháp.	1.200.000.000
	Đánh giá tác động của việc thực hiện Hiệp định Đối tác tự nguyện về Thực thi luật Lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản (VPA/FLEGT); đề xuất giải pháp thúc đẩy sản xuất, nâng cao sức cạnh tranh trong kinh doanh, chế biến lâm sản trên địa bàn thành phố Hà Nội	1.100.000.000
	Đánh giá thực trạng và đề xuất phương án thay thế rừng trồng Keo và Bạch đàn bằng các loài cây bản địa đa mục đích nhằm đảm bảo tính bền vững, tăng giá trị kinh tế và bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội	1.765.000.000
	Nghiên cứu phương án khai thác hợp lý rừng phòng hộ là rừng trồng sau năm 2025, để vừa đảm bảo chức năng phòng hộ, vừa cung cấp nguyên liệu gỗ lớn và lâm sản ngoài gỗ cho sản xuất và tiêu dùng trên địa bàn thành phố Hà Nội	1.106.000.000
	Đánh giá hiện trạng, tiềm năng và đề xuất giải pháp phát triển lâm sản ngoài gỗ theo hướng sản xuất hàng hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội	953.000.000
	Điều tra, đánh giá hiện trạng rừng trồng làm cơ sở đề xuất phát triển rừng trồng phù hợp đảm bảo phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và phòng cháy chữa cháy rừng trên địa bàn thành phố Hà Nội	1.410.000.000
	Xây dựng mô hình trồng Giổi ăn hạt (Micheia tonkinensis A. Chiv.) bằng cây ghép trên địa bàn thành phố Hà Nội	
	<b>- Chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa TSC</b>	
	+ Chi mua sắm, sửa chữa TSC	
	+ Chi sửa chữa, bảo dưỡng CT (trên 500 triệu)	
	<b>- Chi nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình chuyển tiếp</b>	
<b>b9</b>	<b>Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản</b>	<b>30.259.000.000</b>
	<b>- Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên (*)</b>	
	+ Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ (2)	
	* Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	
	* Chi khác ngoài lương	
	+ Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung (3)	
	<b>- Chi nghiệp vụ</b>	<b>30.259.000.000</b>

**PHỤ BIỂU DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 SAU ĐIỀU CHỈNH**

**Cửa Sờ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNN ngày tháng 11 năm 2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội)*

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	DT năm 2022 sau điều chỉnh
	Kinh phí thanh, kiểm tra về chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản	1.700.000.000
	Tập huấn nghiệp vụ quản lý, kiến thức chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản và muối	1.600.000.000
	Công tác giám sát, cảnh báo nguy cơ chất lượng nông lâm thủy sản trên địa bàn và 2 chợ đầu mối	4.700.000.000
	Hoạt động quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, ATTP nông lâm thủy sản của Ngành Nông nghiệp và PTNT Hà Nội	1.010.000.000
	Quản lý chế biến nông, lâm, thủy sản và muối ngành nông nghiệp và PTNT	2.500.000.000
	Quản lý thương mại - kết nối tiêu thụ thực phẩm nông lâm thủy sản ngành Nông nghiệp và PTNT	3.179.000.000
	Thông tin, truyền thông về quản lý chất lượng nông lâm thủy sản	3.500.000.000
	Hoạt động tăng cường công tác đảm bảo ATTP trong sản xuất, sơ chế chế biến, kinh doanh nông, lâm sản và thủy sản	9.670.000.000
	Tăng cường quản lý các cửa hàng kinh doanh trái cây trên địa bàn thành phố Hà Nội	800.000.000
	Tăng cường công tác huy động người Việt nam ở nước ngoài tham gia giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm và phát triển kênh phân phối hàng Việt Nam ở nước ngoài	1.600.000.000
	<b>- Chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa TSC</b>	
	+ Chi mua sắm, sửa chữa TSC	
	+ Chi sửa chữa, bảo dưỡng CT (trên 500 triệu)	
	<b>- Chi nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình chuyển tiếp</b>	
<b>b10</b>	<b>Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới</b>	<b>67.420.000.000</b>
	<b>- Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên (*)</b>	
	+ Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ (2)	
	* Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	
	* Chi khác ngoài lương	
	+ Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung (3)	
	<b>- Chi nghiệp vụ</b>	<b>67.350.000.000</b>
	Kinh phí hoạt động Ban chỉ đạo Chương trình Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân giai đoạn 2021-2025	6.000.000.000
	Kinh phí tập huấn bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới	4.550.000.000
	Kinh phí tuyên truyền về công tác xây dựng nông thôn mới	6.000.000.000
	Kinh phí xây dựng Đề án Nông nghiệp đô thị thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2026	800.000.000
	Kinh phí thực hiện Kế hoạch triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm thành phố Hà Nội (Chương trình OCOP thành phố Hà Nội - Thực hiện sau khi Kế hoạch được UBND Thành phố phê duyệt)	50.000.000.000
	<b>- Chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa TSC</b>	<b>70.000.000</b>
	+ Chi mua sắm, sửa chữa TSC	70.000.000
	+ Chi sửa chữa, bảo dưỡng CT (trên 500 triệu)	
	<b>- Chi nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình chuyển tiếp</b>	
<b>b11</b>	<b>Trung tâm Phát triển nông nghiệp (124 biên chế)</b>	<b>73.670.000.000</b>
	<b>- Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên (*)</b>	
	+ Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ (2)	
	* Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	
	* Chi khác ngoài lương	
	+ Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung (3)	
	<b>- Chi nghiệp vụ</b>	<b>69.410.000.000</b>
	Kinh phí bảo hiểm nông nghiệp	150.000.000
	Kế hoạch phát triển sản xuất lúa japonica và lúa chất lượng cao hàng hóa theo tiêu chuẩn xuất khẩu giai đoạn 2021-2025	20.000.000.000
	Kế hoạch phát triển sản xuất giống bưởi đỏ Tân Lạc và một số giống bưởi đặc sản Hà Nội giai đoạn 2021-2025	14.525.000.000
	Kế hoạch nâng cao năng suất, chất lượng giống vật nuôi (bò thịt, bò sữa) và thủy sản trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	17.000.000.000
	Kinh phí tập huấn kỹ thuật sản xuất cho đối tượng được hưởng Chính sách khuyến khích phát triển vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung theo Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố	4.800.000.000
	Kế hoạch phát triển sản xuất chuỗi theo tiêu chuẩn xuất khẩu giai đoạn 2021-2025	8.400.000.000
	Kinh phí hỗ trợ lãi xuất và hỗ trợ chi phí giết mổ gia súc, gia cầm theo chính sách tại Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố	

**PHỤ BIỂU DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 SAU ĐIỀU CHỈNH**

**Của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNN ngày tháng 11 năm 2022  
của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội)*

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	DT năm 2022 sau điều chỉnh
	Xây dựng quy trình và định mức kinh tế kỹ thuật	3.600.000.000
	Kinh phí chi tiền lương, tiền công lao động và các khoản đóng góp theo lương (BHXH, BHYT...) cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo Đề án vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt (2)	935.000.000
	<b>- Chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa TSC</b>	<b>559.000.000</b>
	+ Chi mua sắm, sửa chữa TSC	559.000.000
	+ Chi sửa chữa, bảo dưỡng CT (trên 500 triệu)	
	<b>- Chi nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình chuyển tiếp</b>	<b>3.701.000.000</b>
<b>b12</b>	<b>Ban quản lý rừng Phòng hộ - Đặc dụng (65 biên chế)</b>	<b>11.153.000.000</b>
	<b>- Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên (*)</b>	
	+ Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ (2)	
	* Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	
	* Chi khác ngoài lương	
	+ Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung (3)	
	<b>- Chi nghiệp vụ</b>	<b>11.153.000.000</b>
	Khoản bảo vệ rừng	5.846.000.000
	Tuyên truyền công tác bảo vệ và PCCC rừng (huyện Sóc Sơn và rừng Hương Sơn)	53.000.000
	Chăm sóc rừng trồng bằng cây bản địa năm 4 (50 ha)	704.000.000
	Hạ cấp vật liệu cháy 65 ha (năm 2021: 70 ha)	2.288.000.000
	Trang thiết bị, công cụ, dụng cụ, bảo hộ lao động ... phục vụ công tác quản lý, bảo vệ, PCCC rừng	144.000.000
	Kinh phí quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn huyện Sóc Sơn	974.000.000
	Gác lửa rừng, sửa chữa chòi canh gác	199.000.000
	Hạ cấp vật liệu cháy rừng năm 2022	400.000.000
	Kinh phí chi tiền lương, tiền công lao động và các khoản đóng góp theo lương (BHXH, BHYT...) cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo Đề án vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt (2)	545.000.000
	<b>- Chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa TSC</b>	
	+ Chi mua sắm, sửa chữa TSC	
	+ Chi sửa chữa, bảo dưỡng CT (trên 500 triệu)	
	<b>- Chi nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình chuyển tiếp</b>	
<b>b13</b>	<b>Trung tâm Khuyến nông (206 biên chế)</b>	<b>5.846.000.000</b>
	<b>- Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên (*)</b>	
	+ Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ (2)	
	* Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	
	* Chi khác ngoài lương	
	+ Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung (3)	
	<b>- Chi nghiệp vụ</b>	<b>3.625.000.000</b>
	Kinh phí chi quản lý quỹ giải ngân vốn vay cơ giới hóa nông nghiệp theo Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của HĐND thành phố	2.700.000.000
	Kinh phí thuê trụ sở Trạm Khuyến nông	80.000.000
	Kinh phí chi tiền lương, tiền công lao động và các khoản đóng góp theo lương (BHXH, BHYT...) cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo Đề án vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt (2)	845.000.000
	Kinh phí xây dựng Đề án Nông nghiệp đô thị thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2026	
	<b>- Chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa TSC</b>	<b>667.000.000</b>
	+ Chi mua sắm, sửa chữa TSC	667.000.000
	+ Chi sửa chữa, bảo dưỡng CT (trên 500 triệu)	
	<b>- Chi nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình chuyển tiếp</b>	<b>1.554.000.000</b>
<b>b14</b>	<b>Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội (51 biên chế)</b>	<b>17.846.000.000</b>
	<b>- Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên (*)</b>	
	+ Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ (2)	
	* Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	
	* Chi khác ngoài lương	
	+ Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung (3)	
	<b>- Chi nghiệp vụ</b>	<b>17.846.000.000</b>
	Truyền thông về nước sạch và Bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp	646.000.000
	Tuyên truyền về xử lý rơm rạ trong sản xuất nông nghiệp	1.163.000.000

**PHỤ BIỂU DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 SAU ĐIỀU CHỈNH**

**Của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNN ngày tháng 11 năm 2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội)*

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	DT năm 2022 sau điều chỉnh
	Công tác theo dõi- đánh giá về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	6.000.000.000
	Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu theo dõi đánh giá về môi trường trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội	9.900.000.000
	Kinh phí chi tiền lương, tiền công lao động và các khoản đóng góp theo lương (BHXH, BHYT...) cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo Đề án vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt (2)	137.000.000
	- Chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa TSC	
	+ Chi mua sắm, sửa chữa TSC	
	+ Chi sửa chữa, bảo dưỡng CT (trên 500 triệu)	
	- Chi nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình chuyển tiếp	
<b>b15</b>	<b>Ban Quản lý và duy tu các công trình nông nghiệp, nông thôn Hà Nội (93 biên chế)</b>	<b>1.186.344.000.000</b>
	- Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên (*)	11.286.000.000
	+ Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ (2)	11.174.000.000
	* Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	5.734.000.000
	* Chi khác ngoài lương	5.440.000.000
	+ Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung (3)	112.000.000
	- Chi nghiệp vụ	561.665.000.000
	Chi quản lý vận hành, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống cụm công trình phân lũ sông Đáy	4.239.000.000
	Kinh phí thực hiện công tác quản lý kênh dẫn Cẩm Đình - Hiệp Thuận và công tác đưa nước sông Hồng vào sông Đáy qua cụm công trình dẫn nước Cẩm Đình - Hiệp Thuận	385.000.000
	Kinh phí đánh giá khả năng sẵn sàng làm nhiệm vụ chuyển lũ của cụm công trình (theo Quyết định số 2140/QĐ-UBND ngày 4/5/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc Ban hành quy trình vận hành cụm công trình đầu mối phân lũ sông Đáy)	603.000.000
	Kinh phí chi tiền lương, tiền công lao động và các khoản đóng góp theo lương (BHXH, BHYT...) cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo Đề án vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt (2)	938.000.000
	Kinh phí giám sát, nghiệm thu việc thực hiện quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi thành phố Hà Nội	500.000.000
	Kinh phí quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi của cấp Thành phố tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội (Kinh phí chưa bao gồm kinh phí duy trì hệ thống công trình thủy lợi do cấp huyện quản lý và kinh phí do thay đổi đơn giá theo khung giá mới của Bộ Tài chính)	555.000.000.000
	- Chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa TSC	150.000.000
	+ Chi mua sắm, sửa chữa TSC	150.000.000
	+ Chi sửa chữa, bảo dưỡng CT (trên 500 triệu)	
	- Chi nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình chuyển tiếp	613.243.000.000
<b>b16</b>	<b>Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã (24 biên chế)</b>	<b>22.722.000.000</b>
	- Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên (*)	
	+ Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ (2)	
	* Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	
	* Chi khác ngoài lương	
	+ Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung (3)	
	- Chi nghiệp vụ	19.214.000.000
	Cứu hộ, bảo tồn, nhân nuôi sinh sản động vật hoang dã	17.732.000.000
	Tuyên truyền bảo vệ động vật hoang dã	939.000.000
	Kinh phí thực hiện đề án bảo vệ môi trường	155.000.000
	Kinh phí chi tiền lương, tiền công lao động và các khoản đóng góp theo lương (BHXH, BHYT...) cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo Đề án vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt (2)	388.000.000
	- Chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa TSC	70.000.000
	+ Chi mua sắm, sửa chữa TSC	70.000.000
	+ Chi sửa chữa, bảo dưỡng CT (trên 500 triệu)	
	- Chi nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình chuyển tiếp	3.438.000.000
<b>b17</b>	<b>Trung tâm Phân tích và chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp Hà Nội (51 biên chế)</b>	<b>15.471.000.000</b>
	- Kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ chi thường xuyên (*)	
	+ Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ (2)	
	* Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (BHXH, BHYT, ...)	
	* Chi khác ngoài lương	

**PHỤ BIỂU DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 SAU ĐIỀU CHỈNH**

**Cửa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNN ngày tháng 11 năm 2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội)*

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	DT năm 2022 sau điều chỉnh
	+ Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung (3)	
	<b>- Chi nghiệp vụ</b>	<b>15.471.000.000</b>
	Kinh phí thực hiện Đề án Phát triển năng lực phân tích và chứng nhận sản phẩm nông nghiệp của Trung tâm giai đoạn 2021-2025	9.585.000.000
	Kiểm nghiệm an toàn thực phẩm và vật tư nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội	5.003.000.000
	Phân tích an toàn thực phẩm bằng xe kiểm nghiệm nhanh	530.000.000
	Kinh phí chi tiền lương, tiền công lao động và các khoản đóng góp theo lương (BHXH, BHYT...) cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo Đề án vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt (2)	353.000.000
	<b>- Chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa TSC</b>	
	+ Chi mua sắm, sửa chữa TSC	
	+ Chi sửa chữa, bảo dưỡng CT (trên 500 triệu)	
	<b>- Chi nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình chuyên tiếp</b>	
<b>b18</b>	<b>Ban Duy tu các công trình Nông nghiệp và PTNT</b>	
*	- Chi nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình chuyên tiếp	
<b>b19</b>	<b>Công ty Cổ phần giống gia súc Hà Nội</b>	<b>17.608.000.000</b>
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	17.608.000.000
*	<b>Chi nghiệp vụ</b>	<b>17.608.000.000</b>
-	Dự án "Ứng dụng kết quả nghiên cứu lai tạo giống bò BBB trên nền đàn bò lai sind thành đàn bò F1 hướng thịt trên địa bàn thành phố Hà Nội"	17.608.000.000
<b>b20</b>	<b>Các Chương trình, Đề án:</b>	<b>68.889.000.000</b>
	Kinh phí hoạt động khuyến nông thành phố Hà Nội	68.889.000.000
-	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	470.000.000
-	Trung tâm Khuyến nông	47.393.000.000
-	Trung tâm Phân tích và chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp	1.026.000.000
-	Trung tâm Phát triển nông nghiệp	20.000.000.000
<b>b21</b>	<b>Kinh phí đối ứng dự án ODA, các chính sách khác:</b>	<b>1.200.000.000</b>
-	Kinh phí hợp tác với các tỉnh, thành	900.000.000
	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	900.000.000
-	Chương trình hợp tác với nước ngoài	300.000.000
	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	300.000.000
<b>b22</b>	<b>Các nhiệm vụ đột xuất khác phát sinh trong năm theo chỉ đạo của UBND Thành phố và kinh phí thực hiện các kế hoạch, đề án dự kiến được UBND Thành phố phê duyệt trong năm</b>	<b>4.865.000.000</b>
<b>3</b>	<b>Sự nghiệp giáo dục đào tạo</b>	<b>1.430.000.000</b>
3.1	Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT	366.000.000
3.2	Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT	127.000.000
3.3	Chi cục Phòng, chống thiên tai	84.000.000
3.4	Chi cục Phát triển nông thôn	
3.5	Chi cục Kiểm lâm	542.000.000
3.6	Trung tâm Khuyến nông	126.000.000
3.7	Trung tâm Phân tích và chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp	185.000.000
<b>4</b>	<b>Nghiên cứu khoa học</b>	<b>22.454.000.000</b>
<b>4.1</b>	<b>Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT</b>	<b>13.000.000.000</b>
	Xây dựng kho dữ liệu dùng chung ngành nông nghiệp	5.000.000.000
	Triển khai Hệ thống giao ban trực tuyến phục vụ công tác chỉ đạo của UBND Thành phố, Sở Nông nghiệp và PTNT với các đơn vị trực thuộc	8.000.000.000
	Triển khai hệ thống tổng hợp, báo cáo và theo dõi đánh giá ngành nông nghiệp và PTNT theo các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội	
<b>4.2</b>	<b>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</b>	
	Xây dựng hệ thống thông tin báo cáo ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật trên địa bàn thành phố Hà Nội	
<b>4.3</b>	<b>Chi cục Thủy lợi và Phòng, chống thiên tai Hà Nội</b>	<b>9.454.000.000</b>
	Xây dựng hệ thống thông tin báo cáo ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật trên địa bàn thành phố Hà Nội	9.454.000.000
<b>5</b>	<b>Nguồn viên trợ</b>	<b>460.000.000</b>
<b>5.1</b>	<b>Chi cục Chăn nuôi và Thú y</b>	<b>460.000.000</b>
	Nâng cao năng lực quản lý chó nuôi và phòng, chống, khống chế bệnh dại trên địa bàn TP Hà Nội	460.000.000